



**CPAVIETNAM**

Qualified Services  
with Global Understanding  
and Vision

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2018

MOORE STEPHENS

A member of

INTERNATIONAL LIMITED

Members in principal cities throughout the world

## MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1-2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3-4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5-6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9-34

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội ("Công ty") trình bày Báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2018 đã được soát xét như sau:

#### **Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội được cổ phần hóa theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội năm 2014 và Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2014 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội thuộc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội.

Công ty hoạt động theo "Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần" với mã số doanh nghiệp là 0100106803, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 05 năm 2015 và sửa đổi gần nhất ngày 08 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên viết tắt của Công ty là HFC.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là: 145.000.000.000 đồng tương đương với 14.500.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Trong đó:

- Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – CTCP: 74.772.000.000 đồng tương đương với 51,567% Vốn Điều lệ.
- Công ty Cổ phần vàng bạc đá quý DOJ: 31.900.000.000 đồng tương đương với 22% Vốn Điều lệ.
- Các cổ đông khác: 38.328.000.000 đồng tương đương với 26,433% Vốn Điều lệ.

Toàn bộ số cổ phần là cổ phần phổ thông.

Tại sở chính của Công ty tại: Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

#### **Hoạt động sản xuất kinh doanh chính**

Sản xuất kinh doanh thực phẩm và bất động sản.

#### **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng, gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

+ Ông Nguyễn Tiến Vượng	Chủ tịch
+ Ông Ngô Đức Long	Thành viên
+ Ông Chu Việt Cường	Thành viên
+ Bà Phạm Diễm Hoa	Thành viên
+ Bà Lương Thị Khánh	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

+ Ông Ngô Đức Long	Giám đốc
+ Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Phó Giám đốc
+ Ông Chu Việt Cường	Phó Giám đốc
+ Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Giám đốc



### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

#### Các sự kiện phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán

Không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

#### Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2018. Đối với việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách thích hợp tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc (chữ)



**Ngô Đức Long**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

13/08/2018



Số: 635/2018/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2018  
của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 13/08/2018 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của kết luận ngoại trừ**

- Theo Báo cáo tài chính bán niên năm cho kỳ hoạt động 06 tháng đầu năm 2018 chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua (là công ty con do Công ty nắm giữ 53% cổ phần phổ thông), lỗ lũy kế tại ngày 30/06/2018 là 18.890.242.216 đồng, trong khi Vốn góp của chủ sở hữu là 20.000.000.000 đồng. Báo cáo tài chính riêng của Công ty chưa bao gồm khoản điều chỉnh liên quan đến việc lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này.
- Tại ngày 30/06/2018, khoản phải thu về cho vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán từ trên hai năm đến ba năm và trên ba năm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2018 của Công ty chưa bao gồm các điều chỉnh có liên quan đến việc lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định đối với các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn nói trên. Thêm vào đó, kết quả sản xuất kinh doanh giữa niên độ bao gồm khoản lãi dự thu với số tiền là 685.034.722 đồng từ các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn này.
- Tại ngày 30/06/2018, khoản phải thu ngắn hạn khách hàng đã quá hạn thanh toán trên ba năm là 1.130.992.992 đồng; khoản phải thu đã quá hạn thanh toán trên một năm là 130.931.015 đồng (trong đó công nợ từ Trung tâm kinh doanh thực phẩm tổng hợp chuyển sang là 69.571.000 đồng) và khoản ứng trước cho người bán với số tiền 355.757.313 đồng đã tồn tại hơn ba năm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên

3

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

- độ kết thúc ngày 30/06/2018 của Công ty chưa bao gồm các điều chỉnh có liên quan đến việc lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định đối với các khoản phải thu quá hạn này.
- Khoản tiền thuê đất cho 06 tháng đầu năm 2018 tại địa chỉ 55 Mã Mây, Hoàn Kiếm, Hà Nội là 225.381.311 đồng đang được công ty hạch toán vào khoản mục Phải thu ngắn hạn khác.

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Tài Dũng  
Phó Tổng Giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số: 0133-2018-137-1*

*(Ủy quyền số 05/2015/UQ-CPA VIETNAM của Tổng Giám đốc)*

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

MẪU SỐ B 01a-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>52.699.044.856</b>	<b>59.684.647.403</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>3.019.091.504</b>	<b>5.201.288.235</b>
1. Tiền	111		3.019.091.504	5.201.288.235
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>33.850.738.519</b>	<b>39.661.644.337</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	6.323.939.596	12.346.607.833
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	4.021.479.257	5.628.352.805
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	13.100.000.000	13.100.000.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	10.580.319.666	8.761.683.699
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(175.000.000)	(175.000.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>15.579.144.417</b>	<b>14.610.904.078</b>
1. Hàng tồn kho	141		15.579.144.417	14.610.904.078
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>250.070.416</b>	<b>210.810.753</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		205.114.054	-
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13	44.956.362	210.810.753
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			<b>129.710.663.802</b>	<b>129.379.526.187</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>68.943.588</b>	<b>68.943.588</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	68.943.588	68.943.588
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>61.794.604.232</b>	<b>64.583.121.724</b>
<i>1. Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>221</i>	<i>V.08</i>	<i>61.763.272.232</i>	<i>64.547.089.724</i>
- Nguyên giá	222		113.565.374.428	114.007.337.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.802.102.196)	(49.460.247.576)
<i>2. Tài sản cố định vô hình</i>	<i>227</i>	<i>V.09</i>	<i>31.332.000</i>	<i>36.032.000</i>
- Nguyên giá	228		227.000.000	227.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(195.668.000)	(190.968.000)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.10</b>	<b>13.078.787.181</b>	<b>9.912.344.414</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	262		13.078.787.181	9.912.344.414
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>50.679.482.255</b>	<b>50.679.482.255</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		31.466.433.001	31.466.433.001
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		19.113.049.254	19.113.049.254
3. Đầu tư dài hạn khác	258		100.000.000	100.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.088.846.546</b>	<b>4.135.634.206</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	4.088.846.546	4.135.634.206
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>182.409.708.658</b>	<b>189.064.173.590</b>

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 01a-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>32.667.713.686</b>	<b>40.965.796.180</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>23.192.542.291</b>	<b>31.915.877.589</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	6.868.636.673	6.799.228.953
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		103.166.993	34.873.564
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	725.639.380	896.028.701
4. Phải trả người lao động	314		746.478.035	1.056.912.357
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	200.154.096	27.522.204
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	623.409.092	508.772.728
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.088.689.610	1.136.764.413
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	12.635.606.378	21.067.712.634
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		200.762.035	388.062.035
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.475.171.395</b>	<b>9.049.918.591</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15	2.718.011.085	3.172.212.723
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	1.380.985.442	1.651.200.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	5.376.174.868	4.226.505.868
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>149.741.994.971</b>	<b>148.098.377.410</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>149.741.994.971</b>	<b>148.098.377.410</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		145.000.000.000	145.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		285.291.856	285.291.856
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		540.000.000	540.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	421		3.916.703.115	2.273.085.554
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		2.273.085.554	(10.145.176.478)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.643.617.561	12.418.262.032
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>182.409.708.658</b>	<b>189.064.173.590</b>



Ngô Đức Long  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Nguyễn Kim Huyền  
Kế toán trưởng

Phùng Thị Thủy  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

MẪU SỐ B 02 a-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	97.448.420.597	74.475.150.573
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	139.998.342	14.922.310
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		97.308.422.255	74.460.228.263
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	79.135.294.724	58.770.030.881
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		<b>18.173.127.531</b>	<b>15.690.197.382</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	1.777.771.901	2.128.291.199
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	771.799.518	779.980.608
- Trong đó: Chi phí lãi vay			711.151.033	738.385.568
8. Chi phí bán hàng	24	VI.06	8.533.036.875	8.559.294.747
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.07	9.426.156.148	10.037.465.773
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>1.219.906.891</b>	<b>(1.558.252.547)</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.08	679.005.915	729.279.722
12. Chi phí khác	32	VI.09	89.440.854	273.338.496
13. Lợi nhuận khác	40		589.565.061	455.941.226
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<b>1.809.471.952</b>	<b>(1.102.311.321)</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		165.854.391	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<b>1.643.617.561</b>	<b>(1.102.311.321)</b>



Ngô Đức Long  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Nguyễn Kim Huyền  
Kế toán trưởng

Phùng Thị Thủy  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

MẪU SỐ B 03a-DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng	6 tháng
		Năm 2018	Năm 2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	91.807.416.164	63.975.513.831
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(87.636.851.244)	(66.790.148.964)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.717.876.353)	(6.352.698.830)
4 Tiền chi trả lãi vay	04	(677.616.786)	(738.385.568)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.543.644.837	14.354.025.499
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.653.810.853)	(3.302.251.379)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>6.664.905.765</b>	<b>1.146.054.589</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1 Tiền chi để mua sắm TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(1.909.281.993)	(903.935.150)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	275.000.000	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.000.000.000)	(5.000.000.000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.000.000.000	5.000.000.000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	69.616.753	45.358.007
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.564.665.240)</b>	<b>(858.577.143)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	-
2 Tiền chi trả vốn góp cho các	32	-	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	77.157.620.748	54.399.569.027
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(84.440.058.004)	(54.301.936.309)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(7.282.437.256)</b>	<b>97.632.718</b>
<b>Lưu chuyển thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(2.182.196.731)</b>	<b>385.110.164</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.201.288.235	3.993.858.240
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>3.019.091.504</b>	<b>4.378.968.404</b>



Ngô Đức Long  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Nguyễn Kim Huyền  
Kế toán trưởng

Phùng Thị Thủy  
Người lập



## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội được cổ phần hóa theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội năm 2014 và Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2014 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội thuộc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội.

Công ty hoạt động theo “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần” với mã số doanh nghiệp là 0100106803, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 05 năm 2015 và sửa đổi gần nhất ngày 08 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên viết tắt của Công ty là HFC.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là: 145.000.000.000 đồng tương đương với 14.500.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Trong đó:

- Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – CTCP: 74.772.000.000 đồng tương đương với 51,567% Vốn Điều lệ.
- Công ty Cổ phần vàng bạc đá quý DOJI: 31.900.000.000 đồng tương đương với 22% Vốn Điều lệ.
- Các cổ đông khác: 38.328.000.000 đồng tương đương với 26,433% Vốn Điều lệ.

Toàn bộ số cổ phần là cổ phần phổ thông.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo (không bao gồm thuốc lá ngoại);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh riêng;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và các hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ đồ uống;
- Bán buôn riêng;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B09 a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**

**2. Lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kho bãi lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu.

**3. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết như được liệt kê Mục V.02 Thuyết minh báo cáo tài chính.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc như sau:

- Trung tâm thương mại Vân Hồ;
- Trung tâm kinh doanh bán buôn;
- Cửa hàng thực phẩm Hàng Da;
- Chuỗi cửa hàng tiện ích Hapro;

**II. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán; Nhật ký chứng từ dựa trên máy tính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B09a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Các loại tỷ giá hối đoái**

*Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

*Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính*

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại mà công ty mở tài khoản tại ngày 30/06/2018.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại mà công ty mở tài khoản tại ngày 30/06/2018.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá -413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

*Nguyên tắc xác định tiền*

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển. Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi. Tiền đang chuyển được ghi nhận dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

*Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền*

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

## 3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

*Các khoản cho vay*

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

*Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác*

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

*Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013. Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

## 4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B09a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

*Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc xếp trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng. Chi phí chế biến bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung biến đổi và chi phí sản xuất chung cố định.

*Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho*

Giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho được áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên.

*Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán và được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

*Nguyên tắc ghi nhận*

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ... Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và các chi phí trực tiếp ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định thuê tài chính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

*Phương pháp khấu hao*

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

06 tháng đầu năm  
2018

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10



#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

##### 7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

###### *Nguyên tắc ghi nhận*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

###### *Phương pháp khấu hao*

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như các tài sản cố định khác.

##### 8. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### 9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì được ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi vốn hóa.

##### 10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

###### *Phương pháp phân bổ chi phí trả trước*

Chi phí trả trước liên quan đến năm tài chính hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn cho các kỳ hạch toán theo phương pháp đường thẳng, số năm phân bổ dựa vào tính chất và mức độ của từng loại chi phí.

##### 11. Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

11. Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (tiếp theo)

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thông...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ. Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

15. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí trong kỳ.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế nhận được từ các chủ sở hữu của Công ty;

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động của Công ty sau khi thực hiện việc chia cổ tức cho các thành viên dựa trên tỷ lệ vốn góp theo quyết định của Hội đồng thành viên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

##### 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

###### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Chỉ phí liên quan đến giao dịch bán hàng được xác định một cách đáng tin cậy.

###### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

###### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Thu nhập cho vay, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phát sinh tính theo tỷ suất sinh lợi thực tế.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập do bán chứng khoán được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá gốc của chứng khoán.

##### 18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

##### 19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Chi phí tài chính khác

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B09a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập chịu thuế theo thuế suất hiện hành là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ để tính thuế và các khoản lỗ từ các năm trước mang sang, nếu có.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế của tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

6 tháng đầu năm 2018, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận.

**21. Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ. Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc, nợ phải trả tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

*Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu*

Ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư tài chính được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, thì hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Ngày 6/11/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210, do đó Công ty chưa trình bày thuyết minh về công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/06/2017.

**22. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**23. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra các quyết định chính sách tài chính và hoạt động.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B09a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**IV. CÁC CHIẾN SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**24. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, phần lớn hoạt động của Công ty tập trung vào lĩnh vực kinh doanh thương thực phẩm và bất động sản cho thuê, trong nhiều tình huống việc tách bạch các lĩnh vực không thực hiện được. Do đó, Công ty chưa trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tập trung tại thành phố Hà Nội. Vì vậy việc không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày báo cáo tài chính nói chung.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2018	01/01/2018
Tiền mặt VND	1.798.200.415	2.994.709.435
Tiền gửi ngân hàng	1.220.891.089	2.206.578.800
- Tiền gửi VND	1.215.559.247	2.201.096.835
- Tiền gửi USD	5.331.842	5.481.965
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.019.091.504</b>	<b>5.201.288.235</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Mẫu số B09a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

**a) Đầu tư vào công ty con**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty CP TMDV Bắc Qua	10.600.000.000	(*)	10.600.000.000	(*)
Công ty CP TM Lãng Yên	20.866.433.001	(*)	20.866.433.001	(*)
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.466.433.001</b>		<b>31.466.433.001</b>	

**b) Đầu tư vào công ty liên kết**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty CP SXKD Gia súc Gia cầm	17.500.000.000	(*)	17.500.000.000	(*)
Công ty CP Thực phẩm chức năng Hapro	140.000.000	(*)	140.000.000	(*)
Công ty CP Am Thực Hà Nội	400.000.000	(*)	400.000.000	(*)
Công ty CP SXCB thực phẩm HN	1.073.049.254	(*)	1.073.049.254	(*)
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.113.049.254</b>		<b>19.113.049.254</b>	

**c) Đầu tư vào dài hạn khác**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty CP Thủy sản Kiên Giang	100.000.000	(*)	100.000.000	(*)
<b>Tổng cộng</b>	<b>100.000.000</b>		<b>100.000.000</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**  
Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
*Mẫu số B09/a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** (tiếp theo)

(\*): Tại ngày báo cáo, Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và Các khoản đầu tư khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý dựa trên việc sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**03. Phải thu khách hàng**

a) Phải thu ngắn hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dư phòng	Giá trị	Dư phòng
Công ty TNHH du lịch và thương mại Châu Á Thái Bình Dương	842.670.752	-	842.670.752	-
Nguyễn Thị Vinh	98.973.300	-	98.973.300	-
Công ty CP Tiến Đồng	189.348.940	-	189.348.940	-
Công ty CP XNK Kids Plaza	575.623.228	-	638.061.303	-
Công ty CP BIBOMARI	1.496.877.402	-	636.344.791	-
Công ty CP TM và DV DLH Lan Hạ	-	-	6.000.000.000	-
Công ty Cổ Phần Tmartstores	165.922.289	-	161.797.870	-
Khách hàng khác	2.954.523.685	-	3.779.410.877	-
<i>Trung tâm Thương Mại Văn Hồ</i>	<i>609.562.774</i>	-	<i>511.693.838</i>	-
<i>Trung tâm kinh doanh bán buôn</i>	<i>1.538.448.205</i>	-	<i>2.255.043.249</i>	-
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>748.289.531</i>	-	<i>803.671.973</i>	-
<i>Khách sạn Á Đông</i>	-	-	<i>132.000.000</i>	-
<i>Chuỗi Cửa hàng tiện ích Hapro Food</i>	<i>58.223.175</i>	-	<i>76.999.817</i>	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.323.939.596</b>	<b>-</b>	<b>12.346.607.833</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**  
Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
*Mẫu số B09a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**04. Trả trước cho người bán**

a) Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
CN Miền Bắc tại Hưng Yên- CTy CP đầu TV Tường An	258.708.161	-	1.136.732.640	-
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Châu Âu	-	-	251.942.400	-
Công ty CP sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm	314.296.724	-	314.296.724	-
MOLIKA (Khách hàng cung cấp đầu ần nhập khẩu PXNK)	245.757.313	-	245.757.313	-
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Phú Thanh Bình	2.591.296.890	-	2.590.000.000	-
Các khách hàng khác	611.420.169	-	1.089.623.728	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.021.479.257</b>	<b>-</b>	<b>5.628.352.805</b>	<b>-</b>

**05. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Cho vay đối với Bên liên quan</b>	<b>12.100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>12.100.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty CP TMDV Bắc Qua {1}	8.600.000.000	-	8.600.000.000	-
Công ty CP SXKD Gia súc Gia cầm {2}	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
<b>Cho vay đối với khách hàng thông thường</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty CP Phát triển Siêu thị Hà Nội {3}	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>13.100.000.000</b>	<b>-</b>

{1} Khoản mục bao gồm:

- Khoản vay theo Hợp đồng số 127C/HĐTD/BQ-TP ngày 30/08/2013, số tiền vay 200.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, đến hạn ngày 31/12/2015;
- Khoản vay theo Hợp đồng số 164/HĐTD/BQ-TP ngày 07/12/2013, số tiền vay 500.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, đến hạn ngày 31/12/2015;
- Khoản vay theo Hợp đồng số 32/HĐTD ngày 26/05/2014, số tiền vay 700.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, đến hạn ngày 31/12/2015;

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)*Mẫu số B09/a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

- Khoản vay theo Hợp đồng số 58/HĐTD ngày 23/09/2014, số tiền vay 300.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, đến hạn ngày 31/12/2015;

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

- Khoản vay theo Hợp đồng số 63/HĐTD ngày 27/12/2014, số tiền vay 900.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, đến hạn ngày 31/12/2015;

- Khoản vay theo Hợp đồng số 08/HĐTD/BQ-TP ngày 11/02/2015, số tiền vay 6.000.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, đến hạn ngày 11/02/2016

{2} Khoản mục bao gồm khoản vay theo Hợp đồng số 60/HĐVV-PTST ngày 07/12/2012, số tiền vay 2.000.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm kể từ ngày 1/11/2014, đến hạn ngày 30/06/2015 và khoản vay theo Hợp đồng số 55/HĐTD ngày 26/08/2014, số tiền vay 1.500.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm kể từ ngày 1/11/2014, đến hạn ngày 26/08/2015.

{3} Khoản mục bao gồm khoản vay theo Hợp đồng số 60/HĐVV-PTST ngày 01/09/2013, số tiền vay 1.000.000.000 đồng, lãi suất 13%/năm, đến hạn ngày 01/09/2013.

**06. Phải thu khác**

a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Đặt cọc tiền mua hàng HTX Sông Công	175.000.000	175.000.000	175.000.000	175.000.000
- Nguyễn Quốc Hùng	2.218.984.415		2.218.984.415	
- Tiền thuê đất tại địa điểm 459 Bạch Mai (Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam)	46.709.250		118.630.021	
- Công ty CP phát triển TM và du lịch Hà Nội	84.673.333		84.673.333	
- Công ty CP SXKD gia súc gia cầm	2.064.381.946		1.826.819.446	
- Công ty CP phát triển Siêu thị Hà Nội	280.304.555		257.554.555	
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ Bắc Qua	2.733.350.005		2.356.127.783	
- Cổ tức phải thu Công ty CP Thương mại Lãng Yên	1.020.000.000		-	
- Tiền thuê đất 55 Mã Mây	616.042.251		390.660.940	
- Phải thu khác	11.559.703		18.646.023	
- Tạm ứng	1.329.314.208		1.314.587.183	
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.580.319.666</b>	<b>175.000.000</b>	<b>8.761.683.699</b>	<b>175.000.000</b>

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

b) Phải thu dài hạn khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ, ký cược dài hạn	68.943.588	-	68.943.588	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>68.943.588</b>	<b>-</b>	<b>68.943.588</b>	<b>-</b>

**07. Hàng tồn kho**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.458.000	-	9.373.000	-
Hàng hóa	15.575.686.417	-	14.601.531.078	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.579.144.417</b>	<b>-</b>	<b>14.610.904.078</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B99a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

08. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
<i>Dư đầu năm</i>	100.487.683.086	6.582.898.326	4.418.177.298	2.518.578.590	-	114.007.337.300
<i>Tăng trong kỳ</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Giảm trong kỳ</i>	-	225.754.532	-	216.208.340	-	441.962.872
- Thanh lý, nhượng bán	-	82.502.532	-	72.753.800	-	155.256.332
- Giảm khác	-	143.252.000	-	143.454.540	-	286.706.540
<i>Dư cuối kỳ</i>	100.487.683.086	6.357.143.794	4.418.177.298	2.302.370.250	-	113.565.374.428
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<i>Dư đầu kỳ</i>	38.794.256.005	4.892.323.535	3.652.791.227	2.120.876.809	-	49.460.247.576
<i>Tăng trong kỳ</i>	2.382.530.908	190.619.322	143.933.341	48.528.984	-	2.765.612.555
- Khấu hao trong kỳ	2.382.530.908	190.619.322	143.933.341	48.528.984	-	2.765.612.555
<i>Giảm trong kỳ</i>	-	207.549.595	-	216.208.340	-	423.757.935
- Thanh lý, nhượng bán	-	82.502.532	-	72.753.800	-	155.256.332
- Giảm khác	-	125.047.063	-	143.454.540	-	268.501.603
<i>Dư cuối kỳ</i>	41.176.786.913	4.875.393.262	3.796.724.568	1.953.197.453	-	51.802.102.196
<b>Giá trị còn lại</b>						
<i>Đầu kỳ</i>	61.693.427.081	1.690.574.791	765.386.071	397.701.781	-	64.547.089.724
<i>Cuối kỳ</i>	59.310.896.173	1.481.750.532	621.452.730	349.172.797	-	61.763.272.232



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B09a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**09. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm vi tính	Cộng
Nguyên giá		
<i>Dư đầu kỳ</i>	<b>227.000.000</b>	<b>227.000.000</b>
<i>Tăng trong kỳ</i>	-	-
- Mua trong kỳ	-	-
<i>Giảm trong kỳ</i>	-	-
<i>Dư cuối kỳ</i>	<b>227.000.000</b>	<b>227.000.000</b>
Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Dư đầu kỳ</i>	<b>190.968.000</b>	<b>190.968.000</b>
<i>Tăng trong kỳ</i>	<b>4.700.000</b>	<b>4.700.000</b>
- Khấu hao trong kỳ	4.700.000	4.700.000
<i>Giảm trong kỳ</i>		
<i>Dư cuối kỳ</i>	<b>195.668.000</b>	<b>195.668.000</b>
Giá trị còn lại		
<i>Đầu kỳ</i>	<b>36.032.000</b>	<b>36.032.000</b>
<i>Cuối kỳ</i>	<b>31.332.000</b>	<b>31.332.000</b>

**10. Tài sản dở dang dài hạn**

a) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2018	01/01/2018
Dự án 459 Bạch Mai	1.239.269.981	1.239.269.981
Dự án 26 Cao Thắng	9.654.637.660	6.488.194.893
Dự án 253 Phố Vọng	2.068.594.048	2.068.594.048
Công trình Nhà kho 164-166 Tự Liệt	-	-
Công trình Trụ sở 24-26 Trần Nhật Duật	80.859.341	80.859.341
Các công trình khác	35.426.151	35.426.151
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.078.787.181</b>	<b>9.912.344.414</b>

**11. Chi phí trả trước**

b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Chi phí lợi thế kinh doanh	706.353.130	758.037.512
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.382.493.416	3.377.596.694
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.088.846.546</b>	<b>4.135.634.206</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B09a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**12. Phải trả người bán**

a) Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
CÔNG TY TNHH LOCK&LOCK HN	463.325.538	463.325.538	750.166.480	750.166.480
Công ty cổ phần Công nghệ và thương mại Tiên Phong	98.282.559	98.282.559	22.073.603	22.073.603
Công ty CP Davicorp (DAVIFOOD) Việt Nam	117.118.000	117.118.000	119.412.500	119.412.500
Các khách hàng khác	6.189.910.576	6.189.910.576	5.907.576.370	5.907.576.370
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.868.636.673</b>	<b>6.868.636.673</b>	<b>6.799.228.953</b>	<b>6.799.228.953</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

a) Phải thu

	Đầu kỳ	Phải thu	Đã thu/Khấu trừ	Cuối kỳ
Thuế TNDN	210.810.753	-	165.854.391	44.956.362
<b>Tổng cộng</b>	<b>210.810.753</b>	<b>-</b>	<b>165.854.391</b>	<b>44.956.362</b>

b) Phải nộp

	Đầu kỳ	Phải nộp	Đã nộp/ bù trừ	Cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	126.268.326	3.122.556.005	3.248.824.331	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	165.854.391	165.854.391	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.866.527	69.959.176	67.212.317	11.613.386
Thuế, tiền thuế đất	350.626.747	3.803.608.232	3.850.476.086	303.758.893
Các loại thuế khác	-	34.000.000	34.000.000	-
Phí , lệ phí, phải nộp khác	410.267.101	-	-	410.267.101
<b>Tổng cộng</b>	<b>896.028.701</b>	<b>7.195.977.804</b>	<b>7.366.367.125</b>	<b>725.639.380</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả

a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Chi phí tiền điện, tiền nước phải trả	166.619.849	34.693.114
Lãi vay phải trả	33.534.247	-
Tiền thuê nhà	-	7.170.910
<b>Tổng cộng</b>	<b>200.154.096</b>	<b>27.522.204</b>

15. Doanh thu chưa thực hiện

a) Ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Tiền thuê tài sản trên đất	623.409.092	508.772.728
<b>Cộng</b>	<b>623.409.092</b>	<b>508.772.728</b>

b) Dài hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Tiền thuê tài sản trên đất	2.718.011.085	3.172.212.723
<b>Cộng</b>	<b>2.718.011.085</b>	<b>3.172.212.723</b>
<b>Tổng Cộng</b>	<b>3.341.420.177</b>	<b>3.680.985.451</b>

16. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
- Văn phòng Công ty	784.668.874	687.268.874
Kinh phí Công đoàn	-	-
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	149.372.815	149.372.815
Lợi nhuận chưa phân phối 6 tháng đầu năm 2014	162.982.687	162.982.687
Thù lao đại diện vốn (Tổng Công ty)	73.923.423	73.923.423
Thù lao đại diện vốn (Công ty)	36.000.000	213.600.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	362.389.949	87.389.949
- <b>Trung tâm kinh doanh bán buôn</b>	<b>13.871.334</b>	<b>126.718.120</b>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.871.334	126.718.120
- <b>Trung tâm Thương mại Vân Hồ</b>	<b>290.149.402</b>	<b>322.777.419</b>
Công ty Siêu thị VHSC	276.735.402	307.777.419
Tiền đặt cọc của CBCNV	13.000.000	15.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	414.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.088.689.610</b>	<b>1.136.764.413</b>

b) Phải trả khác dài hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Nhận đặt cọc tiền thuê tài sản	1.380.985.442	1.651.200.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.380.985.442</b>	<b>1.651.200.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B09/a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**V. THỐNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**17. Vay và nợ thuế tài chính**

a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>Vay cá nhân VNĐ</b>	<b>360.000.000</b>	<b>360.000.000</b>	<b>360.000.000</b>	<b>360.000.000</b>
Phan Thị Thanh Hiền	310.000.000	310.000.000	310.000.000	310.000.000
Hoàng Thị Tâm	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng VNĐ</b>	<b>11.275.606.378</b>	<b>11.275.606.378</b>	<b>20.707.712.634</b>	<b>20.707.712.634</b>
Ngân hàng Công Thương Việt Nam {1}	5.643.882.082	5.643.882.082	8.031.573.205	8.031.573.205
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn {2}	4.500.566.686	4.500.566.686	12.676.139.429	12.676.139.429
Ngân hàng Indovinabank {3}	1.131.157.610	1.131.157.610	-	-
<b>Vay tổ chức khác</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Âm Thực Hà Nội {4}	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.635.606.378</b>	<b>12.635.606.378</b>	<b>21.067.712.634</b>	<b>21.067.712.634</b>

b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>Vay cá nhân</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
Phan Thị Thanh Hiền	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng Công Thương Việt Nam {5}	423.918.668	423.918.668	500.118.668	500.118.668
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn {6}	3.952.256.200	3.952.256.200	2.726.387.200	2.726.387.200
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.376.174.868</b>	<b>5.376.174.868</b>	<b>4.226.505.868</b>	<b>4.226.505.868</b>

{1}

Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2017-HĐCVHM/NHCT106-TPHN ngày 15 tháng 12 năm 2017;

{2}

Khoản vay theo Hợp đồng số 1260LAV201800164 ngày 29/6/2018;

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***Mẫu số B/99a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

- {3} Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 20/2018/HĐHM/JVBTL-TPHN ngày 14/03/2018;  
 {4} Khoản vay theo Hợp đồng tiền gửi ngân hàng số 002-18/HDTG-TPHN ngày 07 tháng 02 năm 2018; Thời hạn vay 06 tháng;  
 {5} Khoản vay theo hợp đồng 23-3/2016-HDDTDANHCT106-TPHN ngày 13/10/2016;  
 {6} Khoản vay theo hợp đồng số 160LAV201700266 ký ngày 23/11/2017;

**18. Vốn chủ sở hữu"***a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2017	145.000.000.000	285.291.856	540.000.000	(10.145.176.478)	135.680.115.378
- Lãi năm trước				12.418.262.032	12.418.262.032
Số dư ngày 31/12/2017	145.000.000.000	285.291.856	540.000.000	2.273.085.554	148.098.377.410
Số dư ngày 01/01/2018	145.000.000.000	285.291.856	540.000.000	2.273.085.554	148.098.377.410
- Lãi kỳ này				1.643.617.561	1.643.617.561
Số dư ngày 30/06/2018	145.000.000.000	285.291.856	540.000.000	3.916.703.115	149.741.994.971





CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI  
Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B09a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**12. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

*b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	30/06/2018	01/01/2018
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	74.772.000.000	74.772.000.000
Công ty CP Tập đoàn Đá quý Deji	31.900.000.000	31.900.000.000
Công ty CP Chứng khoán Phố Wall	24.640.000.000	5.000.000.000
Trần Quốc Tuấn		10.990.000.000
Nguyễn Đăng Trường		10.000.000.000
Cổ đông là cán bộ công nhân viên và cổ đông khác	13.688.000.000	12.338.000.000
<b>Cộng</b>	<b>145.000.000.000</b>	<b>145.000.000.000</b>

*c) Các giao dịch về vốn*

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	145.000.000.000	145.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		-
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	<b>145.000.000.000</b>	<b>145.000.000.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	

*d) Cổ phiếu*

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.500.000	14.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.500.000	14.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.500.000	14.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

*e) Các quỹ của doanh nghiệp*

	30/06/2018	01/01/2018
- Quỹ đầu tư phát triển	540.000.000	540.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B09a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	85.934.891.271	64.101.148.292
Doanh thu cho thuê BĐS và dịch vụ khác	11.513.529.326	10.374.002.281
<b>Tổng cộng</b>	<b>97.448.420.597</b>	<b>74.475.150.573</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Chiết khấu thương mại	29.922.095	6.509.201
Giảm giá hàng bán		13.364
Hàng bán bị trả lại	110.076.247	8.399.745
<b>Tổng cộng</b>	<b>139.998.342</b>	<b>14.922.310</b>

**03. Giá vốn hàng bán**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ	79.135.294.724	58.770.030.881
<b>Tổng cộng</b>	<b>79.135.294.724</b>	<b>58.770.030.881</b>

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	726.651.475	1.925.483.007
* Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.048.000.000	20.000.000
Doanh thu tài chính khác	3.120.426	182.808.192
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.777.771.901</b>	<b>2.128.291.199</b>

**05. Chi phí tài chính**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lãi tiền vay	711.151.033	738.385.568
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	60.648.485	41.595.040
<b>Tổng cộng</b>	<b>771.799.518</b>	<b>779.980.608</b>

1.57 20.06.18 2.024

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

## 06. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Chi phí nhân công	4.496.780.752	4.085.455.753
Chi phí vật liệu bao bì	63.829.907	47.040.744
Công cụ đồ dùng	22.601.909	68.416.320
Chi phí khấu hao tài sản cố định	756.631.062	900.269.909
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.750.413.825	1.771.524.239
Chi phí khác bằng tiền	1.442.779.420	1.686.587.782
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.533.036.875</b>	<b>8.559.294.747</b>

## 07. Chi phí quản lý

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Chi phí nhân viên	1.934.375.959	2.280.668.567
Chi phí vật liệu bao bì		
Công cụ đồ dùng	14.212.836	20.975.360
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.933.866.607	2.228.317.612
Chi phí thuê đất	3.402.857.083	3.277.518.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	559.566.436	607.941.705
Chi phí khác bằng tiền	1.581.277.227	1.622.043.863
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.426.156.148</b>	<b>10.037.465.773</b>

## 08. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Thanh lý nhượng bán CCDC	1.818.182	21.818.182
Các khoản thu nhập khác	677.187.733	707.461.540
<b>Tổng cộng</b>	<b>679.005.915</b>	<b>729.279.722</b>

## 09. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Thủ lao đại diện vốn tại các DN khác		216.480.000
Các khoản bị phạt	800.000	1.094.237
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	27.640.854	-
Chi phí khác	61.000.000	55.764.259
<b>Tổng cộng</b>	<b>89.440.854</b>	<b>273.338.496</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B09a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**VII. THÔNG TIN KHÁC****01. Giao dịch đối với bên liên quan****a) Bên liên quan**

Bên liên quan	Quan hệ	Tỷ lệ sở hữu	Quyền biểu quyết
01. Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	Công ty mẹ	51.57%	51.57%
02. Công ty CP TMDV Bắc Qua	Công ty con	53.00%	53.00%
03. Công ty TM Lãng Yên	Công ty con	51.00%	51.00%
04. Công ty CP SXKD Gia súc Gia cầm	Công ty liên kết	37.04%	37.04%
05. Công ty CP Âm thực Hà Nội	Công ty liên kết	27.59%	27.59%

**b) Số dư đối với các bên liên quan**

	30/06/2018	01/01/2018
Công ty CP TMDV Bắc Qua	8.600.000.000	8.600.000.000
Công ty CP SXKD Gia súc Gia cầm	3.500.000.000	3.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.100.000.000</b>	<b>12.100.000.000</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
Công ty CP TMDV Bắc Qua	2.733.350.005	2.356.127.783
Công ty CP SXKD Gia súc Gia cầm	2.064.381.946	1.826.819.446
Công ty CP Lãng Yên	1.020.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>5.817.731.951</b>	<b>4.182.947.229</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
Công ty TM Lãng Yên	583.610.000	583.610.000
<b>Cộng</b>	<b>583.610.000</b>	<b>583.610.000</b>
<b>Lãi tiền cho vay</b>	<b>6 tháng đầu năm 2018</b>	<b>6 tháng đầu năm 2017</b>
Công ty CP TMDV Bắc Qua	402.222.222	1.080.000.000
Công ty CP SXKD Gia súc Gia cầm	237.562.500	637.875.000
<b>Cộng</b>	<b>639.784.722</b>	<b>1.717.875.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 24-26 Trần Nhật Duật, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B09a - Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**Ghi nhận cổ tức**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Công ty CPTM Lãng Yên	1.020.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>1.020.000.000</b>	-

**Bán hàng hóa, dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Công ty CP TMDV Bắc Qua	4.409.620	4.081.721
Công ty CP SXCB Thực phẩm Hà Nội	10.939.446	
Công ty CP Âm Thực Hà Nội	580.181.820	542.000.004
<b>Cộng</b>	<b>595.530.886</b>	<b>546.081.725</b>

**Mua hàng hóa, dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Công ty CPTM Lãng Yên	47.500.000	
Công ty CP SXCB Thực phẩm Hà Nội	98.997.178	
<b>Cộng</b>	<b>146.497.178</b>	-

**02. Thông tin so sánh**


Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán với ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 đã được soát xét.



Ngô Đức Long  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

  
Nguyễn Kim Huyền  
Kế toán trưởng

  
Phùng Thị Thủy  
Người lập